TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **221**/2019/HC-PT
Ngày 13 - 11 - 2019
"V/v: Khiếu kiện quyết giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Võ Ngọc Thông**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh -** Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 199/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc "*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1470 /2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trương T**

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, tổ dân phố Liên Hiệp 2C, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Chí P – Phó giám đốc Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**

3.2. **Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.3. Ông **Nguyễn Tiến D**

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3.4. Bà **Nguyễn Thị Minh N**

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, tổ dân phố Liên Hiệp 2C, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyệt: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3.5. Bà **Trương Thị Phương N**

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Hiệp 1A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.6. Bà **Trương Thị Kim T**

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3.7. Bà **Trương Thị Kim T**

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3.8. Bà **Trương Thị Thanh T**

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trương T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/9/2018 - Người khởi kiện ông Trương T trình bày:

Thửa đất số 926, diện tích 2.689m^2 tờ bản đồ số 36, xã T là một phần mảnh vườn do ông, bà cha mẹ ông quản lý sử dụng từ trước năm 1945 đến năm 1973, sau khi mẹ ông chết để lại cho gia đình ông tiếp tục quản lý, sử dụng từ năm 1975 đến nay. Trước đây trên đất có nhà thờ do ông nội ông quản lý, sử dụng. Sau khi ông nội ông chết, cha ông là người tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1973 sau khi mẹ ông chết, mảnh vườn bỏ hoang. Năm 1975 vợ chồng ông làm lại một ngôi nhà để thờ cúng ông, bà, cha, mẹ trên thửa đất này. Bà Trương Thị T1 cũng làm 01 ngôi nhà tranh để ở trên một phần thửa đất này. Năm 1976, ông Trương Đình B đi cải tạo về, ông có cho ông B mượn ngôi nhà mà vợ chồng ông xây dựng để ở và cho mượn đất để canh tác. Sau đó, ông B có dựng một

ngôi nhà gỗ trên phần đất phía sau nhà thờ cũ. Khi gia đình ông B chuyển vào ở thành phố Hồ Chí Minh năm 1985 thì trả lại đất cho ông và ông tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1987 ông B bán xác nhà và trả lại đất cho ông. Năm 1987, bà T1 chết, con bà T1 là ông Nguyễn Tấn A dỡ dọn nhà, ông sử dụng tất cả diện tích đất mà bà T1 làm nhà ở để trồng bạch đàn và hoa màu. Đến năm 2000, khi Nhà nước có chủ trương kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đăng ký kê khai và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất đất số 926, diện tích 2.689m^2 tờ bản đồ số 36. Năm 2004 ông được cấp GCN quyền sử dụng đất tại thửa đất 925, diện tích 3.551m^2, tờ bản đồ số 36. Ông quản lý, sử dụng hai thửa đất này không có tranh chấp với ai. Năm 2009 vợ chồng ông xây dựng nhà thờ họ Trương có diện tích 300m^2, diện tích còn lại vợ chồng ông cho thuê lấy hoa lợi đóng góp cúng giỗ ông, bà.

Năm 2015, ông B khởi kiện ra Tòa án thì ông biết việc ông B có tên trong sổ mục kê ruộng đất của thửa đất số 925, bà Trương Thị T1 có tên trong sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa đất số 926 trong khi đó ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất trên. Nhà bà T1 chỉ ở trên một phần thửa đất nhưng bà T1 kê khai đăng ký cả phần diện tích đất mà ông quản lý, sử dụng. Kể từ khi đăng ký kê khai, bà T1 không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng mà ông là người trực tiếp quản lý sử dụng.

Năm 2016 ông Nguyễn Tiến D con trai bà Trương Thị T1 có đơn kiến nghị UBND huyện S xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông tại thửa đất số 926. Ngày 22/6/2016 UBND huyện S ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông. Ông không đồng ý với quyết định số 1817 của UBND huyện S, ông đã có đơn khiếu nại. Ngày 17/8/2016, Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành quyết định số 2923/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với các Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 và Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 17/8/2016. Ông đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 05/12/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 2499/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại cho ông Trương T, cụ thể: *"công nhận nội dung khiếu nại của ông Trương T đối với Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND huyện S là đúng. Việc UBND huyện S ban hành quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 là không đúng quy định pháp luật đất đai."*

Ngày 13/12/2016 UBND huyện S ban hành Quyết định số 4763/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016.

Gia đình ông không có thắc mắc hay khiếu nại gì đối với Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Hơn 09 tháng sau khi Quyết định số 2499/QĐ-UBND có hiệu lực pháp luật, trên cơ sở ông Nguyễn Tiến D có đơn kiến nghị, ngày 03/10/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Trương T thay thế cho Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 và có nội dung là bác đơn khiếu nại của ông Trương T.

Việc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại, bác đơn khiếu nại của ông là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông yêu cầu TAND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ ông yêu cầu hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Gia đình ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất liên tục, ổn định công khai với nguồn gốc nêu trên. Khi có chủ trương của Nhà nước, ông kê khai, đăng ký không có khiếu nại. Hội đồng đăng ký đất xã T họp xét thống nhất, hộ gia đình ông có đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất. Ngày 27/12/2000 UBND huyện S cấp GCNQSD cho hộ ông tại GCNQSD đất số 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND theo hình thức Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSD đất cho người đang sử dụng đất quy định tại điểm d khoản 2 Mục I Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 và điểm 3 tiểu mục 1.4 mục I phần I Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính.

Tại văn bản số 176/UBND-NC ngày 11/01/2019 người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Tại thời điểm UBND xã T đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất, ông Trương T là người quản lý, sử dụng trên thửa đất số 729 (theo bản đồ 229/TTG) và sau này là thửa đất số 926 theo bản đồ 1999 có nhà thờ chi phái họ Trương và canh tác trồng bạch đàn, hoa màu tạo hoa lợi dùng thờ cúng. Ông Trương T là trưởng tộc (thứ phái Trương Quang H, thôn P xã T) nên việc quản lý, sử dụng đất ông cố lưu hạ lại vào mục đích làm nhà thờ cho chi phái họ tộc là phù hợp với phong tục tập quán.

Căn cứ Luật đất đai năm 1993, điểm d khoản 2 Mục I Công văn 1427/CV-ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng Cục Địa chính; Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 1999 của Chính Phủ; Thông tư số 1417/1999/TT-TCĐC ngày 18/9/1998; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 12/4/1998 của Tổng cục Địa chính thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 926 cho người đang sử dụng đất là có căn cứ. Tuy nhiên, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương T là không chính xác về đối tượng. Bởi vì đây không thuộc diện đất nông nghiệp nhà nước cân đối giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ mà là đất của ông Trương T thừa kế quyền sử dụng đất của ông cố để lại với tư cách là Trưởng tộc dùng để xây dựng nhà thờ tộc họ và phụng sự tổ tiên như hồ sơ đã thể hiện, ông Trương T làm đại diện nhưng chưa có sự đồng thuận của tộc họ cử ông Trương T làm đại diện. Do đó, UBND huyện S xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND ngày 27/12/2000 cấp cho hộ ông Trương T tại thửa đất số 926 diện tích 2689m^2 tờ bản đồ số 36 xã T là không đúng đối tượng phải thu hồi là có cơ sở.

Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND huyện S thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND ngày 27/12/2000 cấp cho hộ ông Trương T tại thửa đất số 926 diện tích 2689m^2 tờ bản đồ số 36, xã T là có căn cứ pháp lý.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 giải quyết khiếu nại cho ông Trương T là đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Phạm Đ là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện S trình bày tại văn bản số 322/UBND- NC ngày 25/02/2019 như sau:

Nguồn gốc thửa đất 926 diện tích 2.689m^2 tờ bản đồ số 36 xã T thuộc một phần mảnh vườn do ông, bà tộc họ Trương (cụ Trương Quang L) tạo lập để lại cho các con gồm: Trương T2 (là ông nội Trương T); Trương C (là cha bà Trương Thị T1); Trương T3 (cha ông Trương Đình B).

Đối với phần diện tích đất để lại cho ông C thì sau khi ông Trương C chết, bà Trương Thị T1 là người trực tiếp ở và canh tác liên tục trên phần diện tích đất này (thửa đất 926) mãi cho đến khi bà T1 chết vào năm 1987.

Khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg phần diện tích đất bà T1 ở được đo vẽ lập bản đồ hình thành thửa đất mang số hiệu 729 diện tích 2030m^2 tờ bản đồ số 17 và được bà T1 kê khai, đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất. Sau khi bà T1 chết thì thửa đất này được ông Nguyễn Tấn A (con trai bà T1) tiếp tục quản lý, sử dụng.

Khi thực hiện Nghị định số 64/CP, thửa đất 729 diện tích 2030m^2 được biến động thành thửa đất 926 diện tích 2689m^2 do ông Trương T đứng tên chủ sử dụng trong sổ mục kê đất (nguyên nhân thửa đất 926 tăng diện tích từ 2030m^2 thành 2.689m^2 là do quá trình đo đạc xác lập bản đồ địa chính theo Nghị định số 64/CP đã đo vẽ nhập chung thửa đất 758 diện tích 464m^2 với thửa đất 729 thành thửa đất 926 . Hội đồng xét cấp đất xã T đã xét, đề nghị và UBND huyện S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương T tại thửa đất này.

Thửa đất 729 diện tích 2030m^2 do bà Trương Thị T1 kê khai, đăng ký trong sổ mục kê ruộng đất khi thực hiện Chỉ thị 299/TTG. Sau khi bà T1 chết thì ông Nguyễn Tấn A vẫn quản lý, sử dụng diện tích đất này. Qua kết quả xác minh sao lục hồ sơ cũng không có căn cứ xác định bà T1 hoặc các con của bà T1 chuyển quyền sử dụng thửa đất 729 diện tích 2030m^2 cho ông Trương T (theo Nghị định 64/TTg là thửa đất 926, diện tích 2689m^2). Nhưng Hội đồng xét cấp đất xã T vẫn xét và đề nghị UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương T tại thửa đất số 926, diện tích 2689m^2, tờ bản đồ 36 xã T là không đúng đối tượng sử dụng đất.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T tại thửa đất 926, tờ bản đồ 36, diện tích 2689m^2 là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Chủ tịch và UBND huyện S, thấy rằng việc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trương T đối với Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND huyện S thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND ngày 27/12/2000 cấp cho hộ ông Trương T tại

thửa đất số 926 diện tích 2.689m^2 tờ bản đồ số 36, xã T là đúng quy định của pháp luật.

- *Luật sư Huỳnh Ngọc A - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương T trình bày:* Nguồn gốc thửa đất 926 là của ông, bà lưu hạ, ông T là người quản lý, sử dụng cho đến nay. Mặc dù, bà T1 có thời gian ở trên thửa đất này và có tên trong sổ đăng ký ruộng đất. Trong thời gian quản lý, sử dụng ông T nộp thuế đầy đủ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T.

Việc Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T là không có căn cứ. Sau đó, UBND huyện S ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ quyết định thu hồi đất của hộ ông T và đến nay cũng chưa có quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4763/QĐ-UBND của UBND huyện S nên ông T không khiếu nại Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND huyện S.

Đối với Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là trái pháp luật vì: Khiếu nại của ông T đã được giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 và có hiệu lực pháp luật, thực tế ông T không còn khiếu nại nữa, nhưng Chủ tịch UBND tỉnh lại ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại là trái pháp luật.

- *Ông Nguyễn Tiến D trình bày:* Nguồn gốc của thửa đất 926 diện tích 2.689m^2 tờ bản đồ số 36 xã T là của bà Trương Thị T1 (mẹ ông), bà T1 đã dựng nhà tranh trên thửa đất để sinh sống cho đến khi qua đời, bà T1 là người đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Sau khi bà T1 chết, thửa đất 926 diện tích 2.689m^2 do các con của bà T1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Nhưng UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương T là không đúng theo quy định của Luật đất đai. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 là đúng pháp luật.

- *Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Quyết định số 2499/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 20 Nghị định 75/NĐ-CP thì Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi sai về thẩm quyền, về trình tự ban hành quyết định. Thực tế ông Trương T không phát sinh khiếu nại, mà Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông T là trái luật. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi nhận định

hộ ông T được cấp theo Nghị định 64/TTg là trái pháp luật, vì tại hồ sơ thể hiện là đất thổ cư và đất vườn, đất do ông, bà để lại. Tại Báo cáo số 04 cho rằng đất cấp theo Nghị định 64/TTg là tình tiết mới phát sinh là nhận định không đúng.

- *Bà Trương Thị Kim T trình bày:* Hình thức của Quyết định số 1814/QĐ-UBND là trái pháp luật, cụ thể căn cứ khoản 1, 2 Điều 8 Luật khiếu nại; khoản 1 Điều 33 Luật khiếu nại, người khiếu nại phải có đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại. Căn cứ khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại quy định khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, khiếu nại lần 2 của ông T đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết và có hiệu lực pháp luật.

Gia đình ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất liên tục ổn định, công khai với nguồn gốc nêu trên. Khi thực hiện việc đăng ký kê khai, hội đồng xét duyệt UBND xã T họp xét và có tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận trong đó có hộ Trương T được cấp giấy chứng nhận. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T là đúng theo Luật đất đai 1993 và các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận.

Việc ban hành Quyết định số 1814 là trái quy định Luật khiếu nại về hình thức, nội dung trình tự quy định của Luật đất đai, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp đến bà. Yêu cầu hủy Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bà Trương Thị Phương N thống nhất như lời trình bày của bà Trương Thị Kim T.*

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HCST ngày 26 - 7 - 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 và khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; điểm b khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời gian luật định người khởi kiện ông Trương T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Luận cứ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Trương T có nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Minh N cho rằng nguồn gốc đất thửa 926 do ông bà để lại cho ông Trương T sử dụng ổn định từ trước năm 1975, nên UBND huyện S cấp GCNQSDĐ là đúng quy định pháp luật. Khi có Quyết định 1817 về thu hồi GCNQSDĐ của ông T, ông T khiếu nại nên được UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Quyết định 2499 là đúng. Nhưng sau đó UBND tỉnh Quảng Ngãi lại ban hành Quyết định 1814 thay thế Quyết định 2499 là không đúng thẩm quyền, kể cả về hình thức và nội dung, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, do đó đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh N, hủy Quyết định 1814 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi để bảo vệ quyền lợi chính đáng của ông T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có quan điểm việc UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 1814 thay thế quyết định 2499 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ việc cấp GCNQSDĐ cho ông Trương T là không đúng đối tượng theo NĐ64/CP, bà T1 lại có đăng ký, kê khai 299/TTg, do vậy việc thu hồi GCNQSDĐ của ông T là có căn cứ, đề nghị HĐXX bác kháng cáo các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim T cho rằng đơn khiếu nại của ông T đã được giải quyết bằng Quyết định 2499, ông T đồng ý với quyết định này không có khiếu nại gì, nhưng UBND tỉnh Quảng Ngãi lại ban hành Quyết định 1814 thay thế Quyết định 2499 là không đúng quy định pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông T, bà Nguyệt sửa bản

án sơ thẩm, hủy Quyết định 1814 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo quyền lợi cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D trình bày mẹ ông là bà T1 cùng các con đã sinh ra, lớn lên trên diện tích đất này. Bà T1 đã đăng ký, kê khai 299/TTg nên đã xác định được người sử dụng đất là ai, nên việc cấp GCNQSDĐ cho ông T là không đúng, do vậy Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 1814 không chấp nhận khiếu nại của ông T là đúng quy định pháp luật, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm nguồn gốc đất là của cụ Lạng để lại cho các con, bà T1 có kê khai 299/TTg là thửa 926 hiện nay. Năm 2000 ông T được cấp GCNQSDĐ, năm 2016 ông Dân khiếu nại. Quá trình xem xét khiếu nại, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 1814 thay thế Quyết định 2499 là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T không xuất trình được chứng cứ chứng minh được hưởng di sản thừa kế của ông bà là diện tích đất đang tranh chấp, do vậy đề nghị HĐXX bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Ông Trương T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại. Nội dung khởi kiện của ông Trương T là khiếu kiện quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý và giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo về việc: yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1814/QĐ-

UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại.

[3]. Xét thấy, theo Sổ mục kê ruộng đất, Sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa đất số 925 diện tích 3.551m^2 (không tranh chấp trong vụ án này) và thửa đất số 926 diện tích 2.689m^2 tờ bản đồ số 36, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc từ cố Trương Quang L tạo lập và để lại cho các con là Trương T2, Trương C và Trương T3. Cụ Trương T2 (ông nội ông Trương T) và cụ Trương C (bố đẻ bà Trương Thị T1) đều ở trên mảnh vườn của cố L, khi cụ Trương C làm nhà ở đây thì bà Trương Thị T1 cũng ở cùng. Sau năm 1975, bà Trương Thị T1, ông Trương T đều làm nhà ở trên mảnh vườn của cố L. Khi kê khai theo Chỉ thị 299/TTg thì mảnh vườn biến động thành hai thửa 714 và thửa 729. Ông Trương Đình B (con ông Trương T3) kê khai thửa 714 diện tích 3.216m^2; bà Trương Thị T1 kê khai thửa 729, diện tích 2.030m^2 loại đất "thổ" tại sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5B) do Ủy ban nhân dân xã T lập ngày 22/01/1986, Ủy ban nhân dân huyện S phê duyệt ngày 31/4/1987. Sau khi cụ Thị chết thì con trai cụ là Nguyễn Tấn A tiếp tục quản lý, sử dụng. Do đó, sau khi thẩm tra, kết luận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương T là không đúng đối tượng nên Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND ngày 27/12/2000 cấp cho hộ ông Trương T tại thửa đất số 926 tờ bản đồ số 36 diện tích 2.689m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Trương T không đồng ý nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Tại Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận khiếu nại của ông Trương T.

Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương T ngày 27/12/2000 của Ủy ban nhân dân huyện S là không đúng đối tượng. Bởi lẽ, tại thửa đất này, cụ Trương Thị T1 đã kê khai theo Chỉ thị 299/TTg từ năm 1986 là loại đất "Thổ" nhưng khi cân đối giao đất cho hộ gia đình ông Trương T theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân huyện S lại giao đất nông nghiệp cho hộ ông T sử dụng là không đúng quy định của pháp luật. Ông Trương T xây dựng nhà thờ họ trên thửa đất này nhưng không có sự đồng thuận của tộc họ, đồng thời chưa có ý kiến của những người thừa kế của cố L là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện S xác định giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND ngày 27/12/2000 là đối tượng phải thu hồi là có căn cứ.

Sau khi có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trương T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Tại Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận khiếu nại của ông Trương T, việc ban hành quyết định này thay thế Quyết định 2499/QĐ-UBND ngày 5-12-2016 là chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, phù hợp với quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[4]. Tại điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định:

"b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp kiểm tra; nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;"

Đối chiếu với quy định trên, thì việc Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00940/QSDĐ/1036/QĐ-UBND ngày 27/12/2000 cấp cho hộ ông Trương T tại thửa đất số 926 tờ bản đồ số 36 diện tích 2.689m^2 là đúng quy định pháp luật. Khiếu nại của ông Trương T đối với quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp của Ủy ban nhân dân huyện S là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là đúng pháp luật.

Ông Trương T yêu cầu sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương T, bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông T, bà Nguyệt là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Trương T và bà Nguyễn Thị Minh N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; điểm b khoản 1 Điều 106 Luật đất đai 2013. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương T về việc tuyên hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương T.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương T, bà Nguyễn Thị Minh N được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn